BSC

Thứ hai, ngày 25 tháng 10 năm 2021

Vietnam Daily Review

Trở về ngưỡng 1385 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/10/2021		•	
Tuần 25/10-29/10/2021		•	
Tháng 10/2021		•	

Tổng quan

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường trải qua một phiên giằng co trong cả ngày hôm nay. Kết phiên, bên bán chiến thắng khiến chỉ số VN-Index giảm nhẹ 0.28%. Nhóm cổ phiếu VN-30 mất gần 12 điểm trong khi nhóm cổ phiếu midcaps trên cả 2 sàn HSX và HNX đều tăng mạnh mẽ. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực khi số mã giảm nhiều hơn số mã tăng. Thị trường hôm nay ghi nhận 12/19 ngành tăng điểm, dẫn đầu là ngành bảo hiểm với mức tăng hơn 6% sau thông tin SCIC có kế hoạch thoái vốn các cổ phiếu ngành bảo hiểm như BVH, BMI,… Trong ngắn hạn, VN-Index có khả năng kiểm tra lại ngưỡng 1380. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng mạnh mẽ hơn 1000 tỷ đồng trên sàn HSX, với VJC bị bán hơn 400 tỷ.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều điều chỉnh theo chỉ số cơ sở. Các nhà đầu tư có thể canh bán các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/10/2021, các chứng quyền có tín hiệu giảm mạnh khi thị trường đang giảm điểm sâu. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.

Phân tích kỹ thuật: BVH _Tăng giá (Trang 2)

Điểm nhấn

• VN-Index -3.84 điểm, đóng cửa 1,385.4 điểm. HNX-Index +4.68 điểm, đóng cửa 395.88 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: GVR (+1.06), BVH (+0.86), VHM (+0.57), BCM (+0.43), PLX (+0.40).
• Kéo chỉ số giảm: HPG (-1.80), TCB (-1.24), TPB (-0.35), SHB (-0.32), FPT (-0.30).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 25,399 tỷ đồng, tăng 27.7% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 27,098 tỷ đồng.
• Biên độ dao động là 11 điểm. Thị trường có 200 mã tăng, 47 mã tham chiếu và 240 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -1189,62 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VJC (-417.19 tỷ), HPG (-141.34 tỷ), NLG (-115.90 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -31.65 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1385.40**
Giá trị: 25398.99 tỷ -3.84 (-0.28%)
Khối ngoại (ròng): -1189.62 tỷ

HNX-INDEX **395.88**
Giá trị: 3162.26 tỷ 4.67 (1.19%)
Khối ngoại (ròng): -31.65 tỷ

UPCOM-INDEX **100.92**
Giá trị: 1962.1 tỷ 0.56 (0.56%)
Khối ngoại (ròng): -12.48 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	84.6	0.97%
Giá vàng	1,803	0.57%
Tỷ giá USD/VND	22,755	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,505	0.14%
Tỷ giá JPY/VND	20,026	-0.11%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	9.13%
LS TPCP 5 năm	1.0%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	40.6	VJC	-417.2
VHC	30.0	HPG	-141.3
GAS	25.6	NLG	-115.9
GVR	19.2	VHM	-70.3
DHC	18.2	KBC	-64.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

BSC

10/25/2021

Vietnam Daily Review

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật
BVH _Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: BVH đang hình thành xu hướng tăng giá sau khi tích lũy quanh ngưỡng 60.0 Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng hồi phục. Đường giá cổ phiếu cũng đã nằm trên 2 đường MA20 và MA50 ủng hộ xu hướng tăng. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 64.5, chốt lãi tại ngưỡng 72.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 60.0.

Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	6.45%
Dầu khí	1.91%
Ô tô và phụ tùng	1.56%
Hóa chất	1.29%
Truyền thông	1.11%
Xây dựng và Vật liệu	1.02%
Bất động sản	0.73%
Bán lẻ	0.68%
Y tế	0.39%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.18%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.07%
Thực phẩm và đồ uống	0.01%
Viễn thông	0.00%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.27%
Du lịch và Giải trí	-0.33%
Công nghệ Thông tin	-0.65%
Ngân hàng	-0.67%
Dịch vụ tài chính	-1.64%
Tài nguyên Cơ bản	-1.80%

Hình 1

HSX-Index Intraday

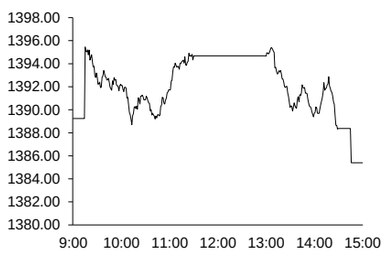

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday

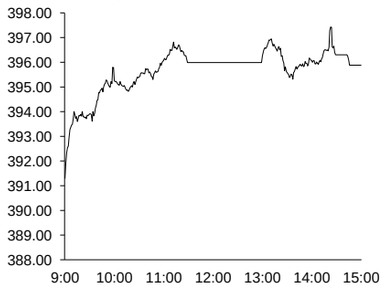

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/22/2021	C4G	12.5	14.5	11.3	12.9	3	3.20%	Có thể tiếp tục mua
10/20/2021	PHR	56.2	64.3	52.2	58.5	5	4.09%	Có thể tiếp tục mua
10/19/2021	MBG	11.5	14	10.5	12.9	6	12.17%	Có thể tiếp tục mua
10/15/2021	TDT	14.6	17	13.5	16.5	10	13.01%	Cân nhắc không mua thêm (**)
10/14/2021	HVH	10.2	11.8	9.8	10.75	11	5.39%	Có thể tiếp tục mua
10/13/2021	VNP	22.5	25	21.5	24	12	6.67%	Có thể tiếp tục mua
10/8/2021	VSC	62.5	70	60	67.5	17	8.00%	Có thể tiếp tục mua
10/7/2021	TIP	43.3	51.6	42.5	46	18	6.24%	Có thể tiếp tục mua
10/6/2021	DRC	33.7	37	31.3	32.8	19	-2.67%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
10/5/2021	VGC	34.65	38.5	32.5	36.2	20	4.47%	Có thể tiếp tục mua
10/4/2021	GVR	37.1	44.5	36	39.3	21	5.93%	Có thể tiếp tục mua
10/1/2021	CII	18.5	20.5	17.7	20.55	24	11.08%	Cân nhắc không mua thêm (**)
9/30/2021	EVG	12.15	14	11.2	12.8	25	5.35%	Có thể tiếp tục mua
9/29/2021	NT2	20.8	23.5	20	23.55	26	13.22%	Cân nhắc không mua thêm (**)
9/28/2021	HPG	52.6	61.2	50.2	55.1	27	4.75%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/15/2021	VRE	28.55	32	27	30.4	40	6.48%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích: **(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt** **(**) Tiệm cận giá mục tiêu**

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/18/2021	SD9	10.3	13.3	9	TP	4	29.13%
10/12/2021	NSH	18.7	20.8	17.5	SL	10	-6.42%
10/11/2021	VHM	81	88	79.5	SL	3	-1.85%
9/24/2021	TCH	18.05	21	17	SL	17	-5.82%
9/23/2021	LHG	50.8	59	48.5	SL	5	-4.53%
9/22/2021	PNJ	93.1	100.2	90.8	SL	6	-2.47%
9/21/2021	MIG	25.75	29.5	23.75	SL	6	-7.77%
9/20/2021	VNM	88.7	95	85	TP	24	7.10%
9/17/2021	PTB	105.9	115.4	98.45	TP	14	8.97%
9/16/2021	BMI	35.8	38	34	TP	5	6.15%
9/14/2021	PXS	6.24	7.2	5.8	TP	9	15.38%
9/13/2021	KDH	41.25	45.5	39.5	TP	31	10.30%

Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất **TP - Đã chốt lời** **SL - Đã cắt lỗ** **FS - Đóng vị thế sớm**

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	15	1	7.34%	-2.67%	6.71%	18
Cổ phiếu đã chốt	197	130	14.28%	-7.81%	5.50%	25

BSC

10/25/2021

Vietnam Daily Review

Thị trường hợp đồng tương lai

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Hình 4

VN30-Index Intradday vs HĐTL 1 tháng Intraday

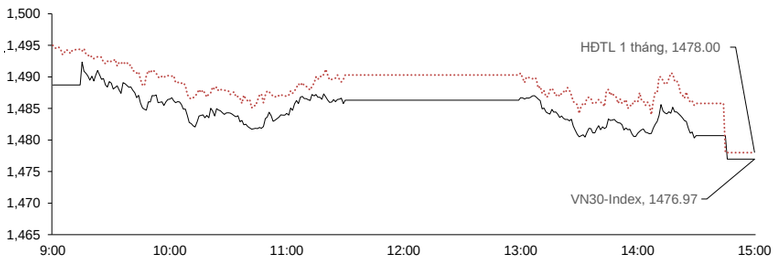

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VHM	78.50	**0.64**	0.48
KDH	46.60	**2.31**	0.47
MWG	128.40	**0.63**	0.41
VIC	92.10	**0.33**	0.36
BVH	64.50	**6.97**	0.35

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Market outlook
Stock market:

Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2111	1478.00	-0.94%	1.03	9.2%	130,955	11/18/2021	26
VN30F2112	1476.10	-1.13%	-0.87	-9.6%	198	12/16/2021	54
VN30F2203	1475.90	-0.72%	-1.07	-52.5%	28	3/17/2022	145
VN30F2206	1475.00	-0.85%	-1.97	9.4%	35	6/16/2022	236

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HPG	55.1	**-2.82**	-4.36
TCB	50.9	**-2.68**	-3.53
STB	25.6	**-2.29**	-1.14
FPT	94.9	**-1.35**	-1.11
TPB	42.0	**-2.78**	-0.93

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 giảm -11.74 điểm xuống 1476.97 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, TCB, FPT, ACB, STB tác động tiêu cực đến vận động giảm của VN30. VN30 mở cửa trong sắc xanh nhưng nhanh đảo chiều giảm điểm trong các phiên giao dịch. Việc rơi mất ngưỡng 1490 điểm báo hiệu VN30 có thể giảm xuống ngưỡng 1460 điểm.

• Các HĐTL đều điều chỉnh nhẹ theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ HĐTL VN30F2203 và VN30F2112 giảm, các HĐTL khác đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ HĐTL VN30F2203 giảm, các HĐTL khác đều tăng. Số lượng HĐ mở và KLGD tăng ở HĐTL ngắn hạn đang cho thấy số lượng vị thế short khá mạnh trên thị trường. Các nhà đầu tư có thể canh bán các HĐTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CKDH2104	1/19/2022	86	2:1	615,200	29.95%	3,500	3,110	13.09%	2,220	1.40	48,260	44,000	46,600
CKDH2103	12/2/2021	38	10:1	1,230,900	29.95%	1,200	460	6.98%	102	4.49	60,879	48,779	46,600
CVHM2108	12/27/2021	63	9.11:1	124,100	30.26%	1,800	1,000	5.26%	200	5.01		84,994	78,500
CPNJ2108	2/10/2022	108	14:1	150,000	27.61%	1,500	1,020	3.03%	551	1.85	128,360	97,000	99,100
CMSN2108	4/27/2022	184	20:1	86,900	38.45%	1,600	1,030	1.98%	470	2.19	253,599	159,999	140,400
CVJC2101	1/6/2022	73	5:1	90,000	22.57%	3,550	3,830	0.26%	2,788	1.37	133,100	120,000	131,800
CVHM2112	2/10/2022	108	10:1	355,700	30.26%	1,500	1,010	0.00%	341	2.97	#N/A	84,000	78,500
CKDH2106	2/10/2022	108	1:1	85,900	29.95%	2,500	3,060	-0.65%	2,298	1.33	51,400	49,000	46,600
CMWG2109	2/10/2022	108	3.32:1	26,400	32.60%	4,000	7,340	-0.81%	5,891	1.25	136,360	112,954	128,400
CHPG2112	12/27/2021	63	6:1	133,400	34.52%	1,900	1,990	-1.00%	1,226	1.62	64,800	48,900	55,100
CVIC2106	4/27/2022	184	20:1	327,300	30.36%	1,000	790	-1.25%	303	2.61	125,888	98,888	92,100
CNVL2104	4/27/2022	184	20:1	365,700	30.56%	1,300	930	-2.11%	394	2.36	266,888	108,888	103,800
CFPT2105	1/6/2022	73	4.95:1	510,000	28.43%	3,500	3,570	-4.29%	2,360	1.51	104,400	86,000	94,900
CVIC2105	1/6/2022	73	4.44:1	392,600	30.36%	3,250	1,080	-4.42%	1,185	0.91	119,188	120,000	92,100
CHPG2111	1/6/2022	73	5:1	1,281,300	34.52%	1,700	2,480	-5.34%	1,654	1.50	63,750	48,000	55,100
CFPT2107	1/26/2022	93	12:1	219,300	28.43%	1,500	1,130	-5.83%	381	2.96	126,200	98,000	94,900
CVRE2107	12/2/2021	38	10:1	414,000	36.23%	1,200	480	-5.88%	52	9.17	48,779	33,179	30,400
CHPG2110	12/6/2021	42	5:1	294,600	34.52%	2,400	2,960	-6.03%	2,279	1.30	82,450	44,000	55,100
CACB2101	1/21/2022	88	4:1	532,500	34.10%	2,000	1,520	-7.32%	546	2.78	38,480	31,400	31,250
CTCB2109	3/7/2022	133	4:1	947,200	36.21%	2,200	2,450	-7.89%	1,322	1.85	56,560	50,000	50,900
			Tổng	**7,567,800**	**31.32%****								

Chú thích: ***Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất*** ***CR: Tỷ lệ chuyển đổi***

Lãi suất phi rủi ro là 4.75% ***Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn***

****Trung bình độ lệch chuẩn*** ****Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes***

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 25/10/2021, các chứng quyền có tín hiệu giảm mạnh khi thị trường đang giảm điểm sâu.

• CKDH2106 và CMBB2104 tăng nhẹ lần lượt là 13.09% và 10.00%. Giá trị giao dịch tăng nhẹ 7.76%. CHPG2112 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.90% thị trường.

• CHPG2109, CKDH2105, CTCB2108 và CMSN2104 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CNVL2104, CHPG2115, CPDR2103 và CHPG2110 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2109, CMSN2105 và CVJC2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	Phiên điều chỉnh	0.6%	0.9	3,980	5.2	6,428	20.0	5.0	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	99.1	0.1%	1.0	980	1.8	4,214	23.5	4.1	48.5%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	64.5	7.0%	1.4	2,082	12.4	2,522	25.6	2.3	26.6%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	53.1	7.1%	0.5	516	3.5	4,211	12.6	1.7	56.3%	13.7%
VIC	Bất động sản	92.1	0.3%	0.7	15,237	5.4	1,767	52.1	3.8	13.7%	7.7%
VRE	Bất động sản	30.4	-0.8%	1.1	3,003	6.6	1,195	25.4	2.3	30.1%	9.3%
VHM	Bất động sản	78.5	0.6%	1.0	14,862	23.3	7,714	10.2	3.5	22.9%	40.2%
DXG	Bất động sản	22.2	-1.3%	1.3	575	6.0	1,379		1.6	28.7%	11.0%
SSI	Chứng khoán	38.3	-2.3%	1.5	1,637	25.9	1,861	20.6	3.3	43.3%	16.5%
VCI	Chứng khoán	60.0	-3.1%	1.0	869	19.8	4,165	14.4	3.2	20.0%	26.7%
HCM	Chứng khoán	36.5	-2.7%	1.6	726	5.6	2,651	13.8	2.8	47.2%	22.1%
FPT	Công nghệ	94.9	-1.4%	0.9	3,744	12.2	4,443	21.4	5.1	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	80.0	-1.4%	0.4	1,142	0.0	4,304	18.6	5.6	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	112.0	-0.1%	1.3	9,320	10.4	4,283	26.1	4.4	2.5%	17.6%
PLX	Dầu khí	54.1	2.3%	1.5	2,989	2.5	3,216	16.8	2.8	17.6%	17.9%
PVS	Dầu khí	29.0	1.4%	1.7	603	9.9	1,136	25.5	1.1	7.9%	4.4%
BSR	Dầu khí	23.2	0.4%	0.8	3,127	10.2	(909)		2.3	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	98.1	-0.2%	0.3	558	0.1	6,020	16.3	3.5	54.4%	22.6%
DPM	Hóa chất	45.1	-3.2%	0.8	767	17.4	4,018	11.2	2.0	10.9%	18.6%
DCM	Hóa chất	31.5	-5.1%	0.7	725	10.5	1,169	26.9	2.5	4.3%	9.4%
VCB	Ngân hàng	94.1	-0.2%	1.1	15,174	3.3	5,534	17.0	3.3	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	39.2	-0.3%	1.3	6,855	1.5	2,464	15.9	1.9	16.6%	12.6%
CTG	Ngân hàng	29.9	0.8%	1.3	6,247	10.5	3,417	8.8	1.6	24.4%	19.0%
VPB	Ngân hàng	37.0	-0.5%	1.2	7,151	13.7	2,807	13.2	2.7	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	27.6	-1.1%	1.2	4,534	10.8	2,764	10.0	2.0	23.2%	21.5%
ACB	Ngân hàng	31.3	-1.1%	1.0	3,671	7.1	3,589	8.7	2.1	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	55.3	1.1%	0.7	197	0.2	4,762	11.6	2.0	83.4%	16.4%
NTP	Nhựa	56.5	9.9%	0.4	289	0.6	3,574	15.8	2.4	18.7%	15.4%
MSR	Tài nguyên	26.3	-0.4%	0.7	1,257	0.8	39	674.4	2.1	10.1%	0.3%
HPG	Thép	55.1	-2.8%	1.1	10,716	101.1	5,616	9.8	3.3	25.0%	39.8%
HSG	Thép	47.0	-4.1%	1.4	1,008	32.4	7,745	6.1	2.3	12.1%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	90.1	-0.4%	0.6	8,187	10.9	4,572	19.7	6.0	54.8%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	156.7	0.1%	0.8	4,369	0.3	7,293	21.5	4.8	62.7%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	140.4	0.2%	0.9	7,206	3.5	1,787	78.6	7.8	32.2%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	20.8	-1.2%	1.2	569	4.0	951	21.9	1.6	7.2%	7.4%
ACV	Vận tải	85.5	-1.2%	0.8	8,093	0.1	577	148.2	5.0	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	131.8	0.0%	1.1	3,104	5.2	279		4.2	17.6%	0.9%
HVN	Vận tải	25.4	-2.1%	1.7	2,450	0.9	(7,153)		N/A	N/A	9.2%	#VALUE!
GMD	Vận tải	50.0	0.6%	1.0	655	6.6	1,357	36.8	2.4	39.7%	6.7%
PVT	Vận tải	24.8	0.2%	1.4	348	5.7	2,487	10.0	1.6	14.0%	17.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	126.1	-2.2%	0.9	877	2.1	9,519	13.2	4.8	3.7%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	36.2	-1.6%	0.4	706	2.7	2,098	17.3	2.5	4.2%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.1	-0.6%	0.9	400	3.7	1,212	19.9	1.7	3.1%	8.2%
CTD	Xây dựng	70.4	-0.1%	1.0	226	1.0	2,005	35.1	0.6	44.8%	1.8%
CII	Xây dựng	20.6	4.3%	0.6	213	7.0	127	162.0	1.0	21.4%	0.6%
REE	Điện	76.0	0.0%	-1.4	1,021	1.0	5,807	13.1	1.9	49.0%	15.8%
PC1	Điện	39.7	-2.7%	-0.4	330	5.9	3,445	11.5	1.7	7.2%	17.5%
POW	Điện	12.3	1.2%	0.6	1,247	7.3	1,079	11.4	1.0	2.8%	8.7%
NT2	Điện	23.6	1.5%	0.5	295	1.5	2,063	11.4	1.6	14.1%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	43.7	0.0%	1.1	1,081	18.9	1,808	24.1	2.0	18.2%	8.6%
BCM	Khu công nghiệp	47.7	3%	1.0	2,147	2.3			3.2	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	39.30	2.61	1.06	8.64MLN
BVH	64.50	6.97	0.83	4.46MLN
VHM	78.50	iên điều chỉ	0.58	6.78MLN
BCM	47.70	3.36	0.43	1.08MLN
PLX	54.10	2.27	0.41	1.07MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	66.30	5.57	1.52	3.87MLN
IDJ	52.40	9.85	0.47	1.26MLN
L14	149.90	8.47	0.40	112300
APS	36.00	9.76	0.36	2.84MLN
NTP	56.50	9.92	0.33	252700

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
HPG	0.00	-1.90	41.61MLN	1.11MLN
TCB	0.00	-1.30	28.53MLN	607060
TPB	0.00	-0.37	3.64MLN	373600
SHB	0.00	-0.33	18.19MLN	192700
FPT	0.00	-0.31	2.94MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	36.60	-2.40	-0.50	4.29MLN
NVB	27.90	-1.06	-0.22	285600
VCS	126.10	-2.25	-0.17	385900
BAB	21.50	-0.46	-0.12	34400
MBS	32.40	-2.41	-0.10	1.52MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LAF	21.40	7.00	0.01	23000.00
C32	36.70	7.00	0.01	2.26MLN
HU1	13.00	7.00	0.00	59500
BMI	44.50	6.97	0.08	2.74MLN
SGR	26.10	6.97	0.03	143900

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L18	48.40	10.0	0.12	468400
NBP	16.50	10.0	0.01	59100
SD2	8.80	10.0	0.01	32200
TDT	16.50	10.0	0.03	1.68MLN
TKC	12.10	10.0	0.02	26100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L10	24.10	-6.95	-0.01	1100
HRC	55.10	-6.93	-0.03	12000
VAF	14.80	-6.92	-0.01	3500.00
PXI	4.11	-6.80	0.00	1.02MLN
VPH	8.29	-6.75	-0.02	1.75MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CJC	14.40	-10.00	0.00	100
SEB	49.50	-10.00	-0.05	6300
LCD	19.50	-9.72	0.00	1600
PSC	17.70	-9.69	-0.01	600
TTZ	5.60	-9.68	-0.01	363100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

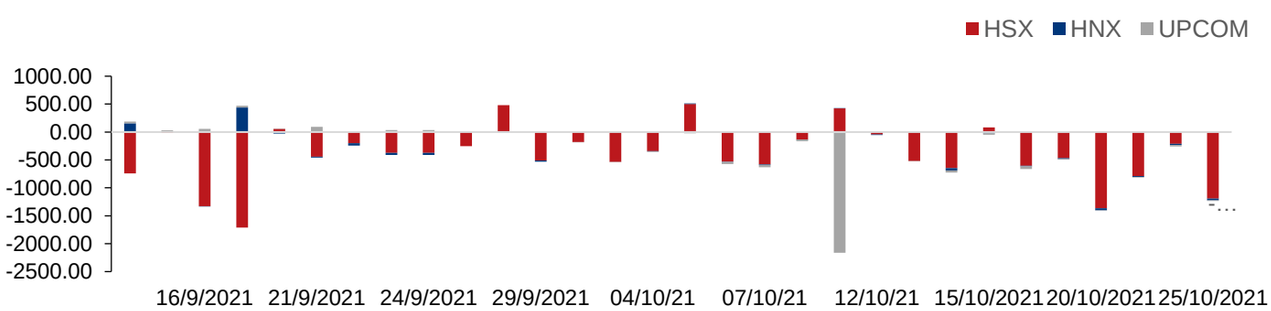

Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	31.3	3,589	8.7	2.1	Click
2	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
3	ANV	Phiên điều chỉnh	Mua	27/6/21	32.4	38.7	32.0	1,267	25.3	1.7	Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	12.9	566	22.8	1.3	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	11.6	-411		1.1	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	47.7	3,949	12.1	2.0	Click
7	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	29.9	3,417	8.8	1.6	Click
8	DBC	Bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	71.3	58.5	8,518	6.9	1.4	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	31.5	1168.9	26.9	2.5	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	157.0	7,258	21.6	5.4	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	111.9	4,602	24.3	7.1	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	71.0	4,905	14.5	3.8	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	45.1	4,018	11.2	2.0	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.8	2,633	12.5	2.2	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	22.2	1,379		1.6	Click
16	FPT	Viễn thông	Mua	18/8/21	93.8	107.0	94.9	4,443	21.4	5.1	Click
17	GAS	Dầu khí	mua	6/9/21	90.4	109.4	112.0	4,283	26.1	4.4	Click
18	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	39.3	1,180	33.3	3.2	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	55.1	5,616	9.8	3.3	Click
20	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	47.0	7,745	6.1	2.3	Click
21	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	11.5	-1,169		1.1	Click
22	ITD	Công nghệ	Mua	17/9/21	19.9	22.0	23.9	1,860	12.8	1.6	Click
23	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	n/a	46.6	1,966	23.7	3.4	Click
24	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	55.5	6,776	8.2	2.0	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	87.5	6,547	13.4	3.1	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	118.9	140.4	128.4	6,428	20.0	5.0	Click
27	NKG	Thép	Theo dõi	1/9/21	39.5	46.5	52.2	6,786	7.7	2.5	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	5/8/21	43.8	46.4	54.0	4,788	11.3	2.1	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.6	2,063	11.4	1.6	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	39.7	3,445	11.5	1.7	Click
31	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	99.1	4,214	23.5	4.1	Click
32	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.3	1,079	11.4	1.0	Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	27.2	0	1236.1	0.8	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	29.0	1,136	25.5	1.1	Click
35	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	20.8	951	21.9	1.6	Click
36	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	37.8	1,064	35.5	3.9	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	51.9	16114.6	3.2	1.4	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	50.9	4,965	10.3	2.0	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	94.1	5,534	17.0	3.3	Click
40	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	22.0	570	38.6	1.8	Click
41	VHC	Thủy sản	Mua	6/9/21	49.6	61.0	60.0	4,475	13.4	1.9	Click
42	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	78.5	7,714	10.2	3.5	Click
43	VNM	Bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	90.1	4,572	19.7	6.0	Click
44	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	37.0	2,807	13.2	2.7	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	30.4	1,195	25.4	2.3	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	67.5	5,006	13.5	2.0	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	79.1	3,256	24.3	6.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
3	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
5	Vĩ mô & Thị trư **Phiên điều chỉnh**	x		Click
6	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
9	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
12	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
13	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
14	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
16	Banking Sector Outlook		x	Click
17	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
19	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
20	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
21	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
22	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
24	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
25	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
26	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
27	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
29	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
30	Fishery Outlook 2021		x	Click
31	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
32	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
33	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
34	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
35	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
36	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
37	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
38	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
40	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639